

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

HUYỆN SÓC SƠN

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HÀ NỘI

Bản án số: **63/2024/HNGĐ - ST**

Ngày: 27/12/2024.

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN – THÀNH PHÓ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ngô Minh Cường**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Dương Văn Xuyên**.

Ông **Nguyễn Văn Vĩ**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Lập Đức** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 583/2024/TLST- HNGĐ ngày 15

tháng 10 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2024/QĐXX-ST ngày 20 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn N, xã Hiền N, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn N, xã Hiền N, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội

Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/9/2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

-Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Minh T có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương năm 2006, vợ chồng kết hôn có tự do tìm hiểu, tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Hiền N, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội ngày 29/3/2006.

Sau khi kết hôn xong thì vợ chồng anh về sống chung cùng với bố mẹ anh tại thôn N, xã Hiền N, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội.

Quá trình chung sống vợ chồng anh sống không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do chị T tính ương, lười làm, đi làm nhiều công ty nhưng không làm được lâu. Đến khi chị T đi làm công ty may bắt đầu sử dụng điện thoại thông minh thì lên mạng nhắn tin với người đàn ông khác, không quan tâm lo lắng cho gia đình. Sau khi chị T có những biểu hiện đó thì anh có nhờ gia đình hai bên hòa giải nhưng chị T không nghe dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn cãi vã nhau. Từ năm 2017 thì chị T bỏ ra thuê nhà trọ sống không về sống chung cùng với anh nữa, thỉnh thoảng cuối tuần về thăm con lúc thì lại đi ngay. Anh đã nhiều lần gọi chị T về nhưng chị T không về sống cùng với anh nữa. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án

giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

-Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 13/8/2006 và Nguyễn Thế N, sinh ngày 10/10/2009. Hiện nay các con đang ở với anh. Ly hôn anh xin được nuôi cháu N, không đề nghị chị T cấp dưỡng nuôi con, cháu Ngọc A đã trên 18 tuổi tự lo được cho bản thân, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Hiện nay anh đang làm tự do thu nhập bình quân 7.000.000đ đến 8.000.000đ/tháng.

-Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, nhà, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận giải quyết, tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là chị Nguyễn Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị T không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không ghi được ý kiến của chị T.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Thư ký Tòa án; Hội đồng xét xử và nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T. Cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Minh T.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thế N, sinh ngày 10/10/2009 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn N vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T.

Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn T xin ly hôn chị Nguyễn Minh T hiện chị T cư trú tại thôn N, xã Hiền N, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội nên căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa ngày 10/12/2024 chị T vắng mặt, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và tiến hành triệu tập hợp lệ đối với chị T, nhưng tại phiên tòa ngày hôm nay chị T vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ theo Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về nội dung: Anh Nguyễn Văn T kết hôn cùng chị Nguyễn Minh T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hiền N, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 01/2006 ngày 29/3/2006. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh T cho rằng vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, sống không có hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T không tu chí làm ăn và không biết vun vén, chăm sóc cho gia đình. Chị Nguyễn Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không ghi được ý kiến của chị. Qua xác minh tại gia đình và chính quyền địa phương được biết vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau nữa. Xét thấy để tồn tại quan hệ hôn nhân thì vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng lẫn nhau để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên vợ chồng anh chị sống không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau nữa. Như vậy mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên cho anh T được ly hôn chị T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 13/8/2006 và Nguyễn Thế N, sinh ngày 10/10/2009. Ly hôn anh T đề nghị xin được nuôi cháu N, còn cháu Ngọc A hiện đã thành niên nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Xét yêu cầu của anh T, Hội đồng xét xử nhận thấy hiện tại các con đang ở với anh T và cháu N có nguyện vọng muốn ở cùng anh T. Hiện anh

T có chỗ ở ổn định, chị T không có chỗ ở ổn định nên thấy để đảm bảo cuộc sống của con cũng như không làm xáo trộn cuộc sống của con sau ly hôn thấy cần tiếp tục giao cháu N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Còn cháu Nguyễn Thị Ngọc A hiện nay đã trên 18 tuổi, tự lo được cho bản thân nên không đặt ra giải quyết.

Về N vụ cấp dưỡng nuôi con: Việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên là trách nhiệm của người làm cha, làm mẹ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi dưỡng có N vụ cấp dưỡng cho con”. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án báo gọi chị T nhiều lần nhưng không làm việc được với chị T, không biết hiện chị T đang làm gì, anh T không đề nghị cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận sự tự nguyện của anh T, tạm hoãn N vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T.

[4] Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Anh T không đề nghị nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 235; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T. Cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Minh T. Quan hệ hôn nhân của hai bên chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Xác nhận anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Minh T có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 13/8/2006 và Nguyễn Thế N, sinh ngày 10/10/2009. Giao con chung là Nguyễn Thế N, sinh ngày 10/10/2009 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của Tòa án thay thế. Tạm hoãn N vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T cho đến khi nào có điều kiện hoặc có quyết định khác của Tòa án thay thế. Cháu Ngọc A đã thành niên, tự lo được cho bản thân nên không đặt ra giải quyết.

Chị T có quyền, N vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, anh được trừ vào số tiền 300.000đ anh đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu ký hiệu BLTU/23 số 0072653 ngày 09/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn (đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Ngô Minh Cường

